TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA
Số: 250/BC-ĐTTX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHẢO SÁT PHẢN HỒI THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC VÀ GIẢNG VIÊN CỦA HỌC KỲ I (HK191) NĂM HỌC 2019 - 2020

Kính gửi:

- Ban Giám Hiệu;
- Lãnh đạo Khoa.

Nhằm thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên tham gia học tập trong năm học 2019-2020 để đánh giá kết quả hoạt động giảng dạy và học tập tại các cơ sở học tập cũng như đơn vị liên kết của nhà trường. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và Trung tâm Đào tạo Từ xa nói riêng.

Trung tâm Đào tạo Từ xa báo cáo Ban Giám Hiệu và Lãnh đạo các Khoa kết quả khảo sát như sau:

1. THÔNG TIN KHẢO SÁT

1.1. ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

Sinh viên tham gia học tập trong Học kỳ I (HK191) năm học 2019 – 2020 tại các cơ sở cũng như đơn vị liên kết của nhà trường:

- Các cơ sở của Trường Đại học Mở tại TP.HCM: Cơ sở 02 Mai Thị Lựu, cơ sở 371 Nguyễn Kiệm.

- Các đơn vị liên kết của Trường Đại học Mở tại TP.HCM cùng các đơn vị liên kết của Trường Đại học Mở tại các tỉnh/thành phố:

Bảng 1: Số lượng khảo sát theo địa điểm học

STT	Địa điểm học	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	Tỉ lệ (%) TG đánh giá/sv đăng ký
1	Cơ sở 3 - Bình Dương	146	113	77,4%
2	Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	117	76	65,0%
3	Học viện Chính trị KV2	135	93	68,9%
4	Trung tâm GDNN - GDTX Thị xã Lagi – B Thuận	467	302	64,7%
5	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	112	95	84,8%

6	Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	562	400	71,2%
7	Trường CĐ Nghề Long An - CS Đồng Tháp Mười	154	153	99,4%
8	Trường CĐ Nghề Long An - CS Đức Hòa	235	234	99,6%
9	Trường CĐCĐ Bình Thuận	1.112	899	80,8%
10	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	302	171	56,6%
11	**Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh (KS trực tuyến)**	**1.849**	**92**	**5,0%**
12	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	104	99	95,2%
13	Trường TC DL và KS Sài Gòn	580	455	78,4%
14	TT BD-CT Quận Tân Bình	266	232	87,2%
15	TT GDNN - GDTX Quận Thốt Nốt	84	79	94,0%
16	TT GDTX Bến Tre	348	264	75,9%
17	TT GDTX Bình Phước	408	206	50,5%
18	TT GDTX Gia Định - Hớn Quản	54	34	63,0%
19	TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	404	320	79,2%
20	TT GDTX Huyện Chư Păh - Tỉnh Gia Lai	260	187	71,9%
21	TT GDTX Huyện Đắk Pơ - Tỉnh Gia Lai	195	176	90,3%
22	TT GDTX Khánh Hòa	599	558	93,2%
23	TT GDTX Long An	172	185	107,6%
24	TT GDTX Tây Ninh	204	161	78,9%
25	TT GDTX Thanh niên xung phong	132	123	93,2%
26	TT GDTX Tỉnh Ninh Thuận	220	195	88,6%
TỔNG		**9.221**	**5.902**	64,0%
Tỉ lệ TB sinh viên tham gia đánh giá/tổng số sinh viên đăng ký môn học				**64,01%**

1.2. QUY TRÌNH KHẢO SÁT

- Trung tâm Đào tạo Từ xa soạn thảo bảng câu hỏi gồm 20 câu hỏi.

- Soạn biểu mẫu khảo sát google form gửi qua email của sinh viên có đăng ký học liệu của Học kỳ I năm học 2019-2020 (Nhân viên Trung tâm ĐTTX thực hiện).

- Đặt in phiếu khảo sát rồi gửi Phiếu khảo sát phản hồi thông tin về môn học và giảng viên Học kỳ I của năm học 2019-2020 cho cộng tác viên tại các ĐVLK.

- Cộng tác viên tại các ĐVLK phát phiếu khảo sát trực tiếp cho sinh viên đánh giá trước khi sinh viên thi học kỳ.

- Trung tâm Đào tạo Từ xa thu lại phiếu khảo sát từ cộng tác viên tại các ĐVLK.

- Trung tâm Đào tạo Từ xa kiểm tra, lọc bỏ các phiếu khảo sát không hợp lệ.

- Trung tâm Đào tạo Từ xa tiến hành công tác mã hóa và nhập dữ liệu vào file excel.

- Trung tâm Đào tạo Từ xa ráp danh sách môn học mà sinh viên đánh giá và giảng viên vào dữ liệu (kết hợp với file kế hoạch đào tạo & mời giảng của Trung tâm), sau đó tiến hành xử lý dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo.

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

- Số lượng sinh viên đăng ký môn học: 18.482 sinh viên

- Số lượng sinh viên đăng ký môn học sau khi trừ những môn học dưới 10 sinh viên đăng ký (theo danh sách kế hoạch đào tạo ban đầu) và những sinh viên học & thi trả nợ: 14.832 sinh viên

- Số lượng phiếu phát ra: 12.500 (do có gần 2.000 sinh viên học tại các cơ sở của Trường: Nguyễn Kiệm, Mai Thị Lựu)

- Số lượng phiếu thu hồi: 7.052

- Số lượng phiếu thu về hợp lệ: 5.902

2.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG TOÀN TRƯỜNG

1,00 < Trung bình ≤ 1,80: Kết luận nhận nội dung phản hồi là "Kém".

1,80 < Trung bình ≤ 2,60: Kết luận nhận nội dung phản hồi là "Yếu".

2,60 < Trung bình ≤ 3,40: Kết luận nhận nội dung phản hồi là "Trung bình".

3,40 < Trung bình ≤ 4,20: Kết luận nhận nội dung phản hồi là "Tốt".

4,20 < Trung bình ≤ 5,00: Kết luận nhận nội dung phản hồi là "Rất tốt".

Mẫu được chọn từ những phiếu khảo sát sinh viên có trả lời một hoặc nhiều hơn một câu hỏi trong số 20 câu hỏi có 5.902 phản hồi (xem Bảng 2 hoặc phụ lục 3 đính kèm).

Tất cả nội dung phản hồi đều được sinh viên đánh giá "Rất tốt". Điều này cho thấy hiện nhà trường đang có đội ngũ giảng viên đảm bảo các tiêu chuẩn về tác phong nhà giáo cũng như có chất lượng trong nội dung giảng dạy, thời lượng giảng dạy, cách thức truyền đạt bài giảng,... cũng như đáp ứng đầy đủ yêu cầu của sinh viên về sự quan tâm của giảng viên, sự hướng dẫn ngoài giờ, sự sẵn lòng trả lời câu hỏi thắc mắc, tính công bằng trong học tập,... hiện nay. Bên cạnh đó, các đánh giá về học liệu cũng được sinh viên phản hồi tích cực như cung cấp đầy đủ, kịp thời và phù hợp với nội dung học tập của sinh viên. Từ các yếu tố về giảng viên, học liệu đa số sinh viên đưa ra nhận định rằng môn học phù hợp với ngành học của mình (xem Bảng 2 hoặc phụ lục 3 đính kèm).

Bảng 2: Kết quả khảo sát trung bình theo từng nội dung

Mã	Nội dung phản hồi	Trung bình	Xếp loại
C1	Giảng viên (GV) giới thiệu chi tiết đề cương môn học	4,32	Rất tốt
C2	Nội dung giảng dạy phù hợp với mục tiêu và đề cương môn học	4,34	Rất tốt
C3	Nội dung môn học được cập nhật, phù hợp với nhu cầu công việc	4,33	Rất tốt
C4	Thời lượng giảng dạy mỗi môn là phù hợp	4,35	Rất tốt
C5	GV trình bày bài giảng rõ ràng và dễ hiểu	4,33	Rất tốt
C6	GV giảng dạy thu hút và hấp dẫn	4,28	Rất tốt
C7	GV quan tâm đến việc tiếp thu bài giảng của sinh viên	4,31	Rất tốt
C8	GV có cho bài tập để chấm điểm tham gia hoạt động trong lớp.	4,37	Rất tốt
C9	GV quản lý tốt sinh viên và tạo môi trường học tập tích cực trong buổi học	4,31	Rất tốt
C10	GV sẵn lòng trả lời các câu hỏi thắc mắc của SV về nội dung học tập	4,36	Rất tốt
C11	GV khuyến khích SV đặt câu hỏi và làm việc nhóm, thúc đẩy sinh viên tự học, tự nghiên cứu	4,33	Rất tốt
C12	GV công bằng trong đánh giá quá trình kết quả học tập	4,38	Rất tốt
C13	GV đảm bảo giờ lên lớp	4,39	Rất tốt
C14	GV sẵn lòng hỗ trợ sinh viên học tập ngoài giờ lên lớp	4,34	Rất tốt
C15	GV có tác phong sư phạm đúng mực	4,40	Rất tốt
C16	Tài liệu học tập cung cấp đầy đủ	4,40	Rất tốt
C17	Tài liệu học tập cung cấp kịp thời	4,39	Rất tốt
C18	GV giảng dạy theo đúng tài liệu nhà trường cung cấp	4,36	Rất tốt
C19	GV giảng dạy theo đúng thời khóa biểu	4,39	Rất tốt
C20	Theo Anh/Chị, môn học này phù hợp với ngành học	4,39	Rất tốt
	Số quan sát	**5.902**	

2.2 ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC THEO TỪNG GIẢNG VIÊN HỌC KỲ I NĂM 2019 -2020

Tổng số môn học được sinh viên chọn đánh giá của Học kỳ I năm học 2019-2020 là 115 môn/175 môn tổ chức giảng dạy trong HK191 (Tỷ lệ đạt 65,71%), do học kỳ I đa phần sinh viên học online (dịch COVID 19), nên khó thực hiện khảo sát, ví dụ như tại các cơ sở của Trường HK191 có 69 môn học được tổ chức nhưng chỉ có 10 môn sinh viên tham gia đánh giá. Nếu không tính các môn tổ chức tại các cơ sở của Trường (các môn khảo sát online), tỷ lệ sinh viên tham gia đánh giá (bình quân) khoảng 80,06% trên tổng số sinh viên đăng ký môn học. Nếu tính chung tất cả các môn học tổ chức trong học kỳ I (HK191), tỷ lệ tham gia khảo sát đạt 64%/tổng số sinh viên đăng ký môn học (không tính học trả và thi trả nợ) trong HK191. Nhìn chung, sinh viên đánh giá

môn học và giảng viên tham gia giảng dạy đạt từ mức tốt đến rất tốt, chỉ có 1 môn sinh viên đánh giá mức trung bình (Logic học – Nguyễn Thị Kim Yến tổ chức tại Trường CĐCĐ Bình Thuận). Môn Tài chính doanh nghiệp (Giảng viên Trần Hoàng Trúc Linh tổ chức tại cơ sở của Trường ĐH Mở TP.HCM) là môn duy nhất sinh viên đánh giá ở mức yếu (Xem phụ lục 1 đính kèm).

Trung tâm có tiến hành khảo sát môn học qua google form nhưng hầu hết sinh viên không thực hiện khảo sát online. Số lượng tham gia đánh giá chỉ có 93 sinh viên với 10 môn học (Theo kế hoạch tổ chức đào tạo có 69 môn với 1.849 sinh viên đăng ký học trung HK191). Ngoài trừ môn Tài chính doanh nghiệp hầu hết tất cả sinh viên đều đánh giá các môn khảo sát online ở mức tốt đến rất tốt (Xem phụ lục 4 đính kèm). Tuy nhiên, trong đợt khảo sát cũng có 23 môn học sinh viên có tham gia khảo sát như không thể xác định chính xác tên giảng viên giảng dạy môn học đó (Xem phụ lục 5 đính kèm). Lý do là có sự thay đổi giảng viên giảng dạy vào giờ cuối. Tuy nhiên, số sinh viên tham gia đánh giá các môn học này đều nhận định giảng viên giảng rất tốt, cụ thể là 95% trở lên xếp loại rất tốt và 5% còn lại là tốt (Xem phụ lục 5 đính kèm).

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. KẾT LUẬN

Qua bảng thống kê số lượng nhóm lớp theo kết luận giá trị trung bình từ đánh giá phản hồi của sinh viên qua học kỳ I năm học 2019-2020 (HK191) cho thấy, sinh viên đánh giá cao hoạt động giảng dạy và hệ thống hỗ trợ học tập của nhà trường nói chung và Trung tâm Đào tạo Từ xa nói riêng. Tỷ lệ sinh viên đánh giá "Rất tốt" chiếm tỷ lệ cao nhất. Chỉ có 1 môn sinh viên đánh giá ở mức "Trung bình" và 1 môn ở mức "Yếu" (chiếm tỉ lệ rất nhỏ). Tuy nhiên, số môn sinh viên tham gia đánh giá chưa đủ lớn nên chưa mang tính đại diện nhất là những môn học tại các cơ sở của Trường (khảo sát online).

3.2. KHUYẾN NGHỊ

Thông tin khảo sát mang tính tham khảo cho Ban lãnh đạo Trung tâm Đào tạo Từ xa, Lãnh đạo Khoa và Quý Giảng viên trong công tác mời giảng và giảng dạy./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Phước

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
1	Bê tông cốt thép dự ứng lực	Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	ĐTTX	Phan Vũ Phương	4	4	4.08	4.06	3.98	4.04	4.01	3.90	4.02	4.18	4.08	4.27	4.18	4.22	4.30	4.06	4.34	4.32	4.23	4.34	4.32	4.23	4.16	Tốt
2	Cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Bùi Anh Kiệt	25	22	4.00	4.00	3.95	4.00	4.05	4.05	4.09	4.00	4.05	3.95	4.05	3.95	4.09	4.05	4.05	4.00	4.09	4.05	4.05	4.00	4.03	Tốt
3	Công pháp quốc tế	Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Đào Nguyên Phương Thảo	29	22	4.50	4.45	4.41	4.45	4.64	4.55	4.55	4.55	4.50	4.50	4.45	4.59	4.59	4.55	4.59	4.59	4.59	4.55	4.59	4.59	4.54	Rất tốt
		TT GDNN - GDTX Quận Thốt Nốt	ĐTTX	Nguyễn Đăng Nghĩa	21	20	4.65	4.71	4.76	4.65	4.71	4.65	4.76	4.71	4.71	4.71	4.65	4.76	4.71	4.71	4.65	4.71	4.71	4.71	4.65	4.71	4.70	Rất tốt
		TT GDTX Bình Phước	ĐTTX	Nguyễn Ngọc Lâm	32	20	4.25	4.20	4.15	4.15	4.35	4.40	4.20	4.10	4.05	4.20	4.20	4.15	4.10	4.10	4.15	4.05	4.10	4.10	4.15	4.05	4.16	Tốt
4	Công tác xã hội với gia đình	TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Huỳnh Minh Hiền	56	54	4.37	4.54	4.46	4.50	4.48	4.37	4.41	4.52	4.50	4.54	4.44	4.48	4.41	4.39	4.54	4.61	4.41	4.39	4.54	4.61	4.48	Rất tốt
5	Đại số tuyến tính	Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Vũ Văn Hưng	33	3	4.48	4.48	4.45	4.47	4.48	4.45	4.44	4.50	4.47	4.49	4.47	4.50	4.49	4.47	4.53	4.53	4.50	4.47	4.53	4.54	4.49	Rất tốt
6	Đọc hiểu 3	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Đoàn Kim Khoa	31	15	4.40	4.33	4.40	4.40	4.33	4.27	4.47	4.40	4.40	4.47	4.40	4.40	4.40	4.40	4.33	4.40	4.40	4.40	4.33	4.40	4.39	Rất tốt
7	Đọc hiểu 4	Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Lý Thị Mỹ Hạnh	30	24	3.92	3.79	3.92	3.50	3.58	3.58	3.71	4.04	3.71	3.67	3.83	3.71	3.67	3.67	3.88	4.08	3.67	3.67	3.88	4.08	3.78	Tốt
8	Dự báo trong kinh doanh	TT GDTX Tây Ninh	ĐTTX	Trần Kim Ngọc	52	32	4.44	4.44	4.44	4.41	4.41	4.41	4.41	4.41	4.47	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.47	Rất tốt
9	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	ĐTTX	Hoàng Xuân Sơn	3	2	4.11	4.10	4.05	4.06	4.03	3.91	4.03	4.20	4.05	4.26	4.13	4.20	4.27	4.02	4.33	4.36	4.23	4.33	4.36	4.24	4.16	Tốt
		Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	75	59	4.08	4.15	3.86	3.64	3.97	3.90	4.03	4.19	4.05	4.31	4.15	4.24	4.19	4.17	4.34	3.76	4.19	4.17	4.34	3.76	4.07	Tốt
		TT GDTX Thanh niên xung phong	ĐTTX	Phạm Kim Dung	33	32	4.38	4.25	4.38	4.44	4.41	4.41	4.41	4.41	4.44	4.38	4.38	4.38	4.38	4.44	4.38	4.41	4.38	4.44	4.38	4.41	4.39	Rất tốt
		Cơ sở 3 - Bình Dương	VLVH	Trần Duy Mỹ	20	16	4.25	4.13	4.13	4.13	4.25	4.44	4.19	4.06	4.06	4.13	4.06	4.19	4.06	4.06	4.13	4.19	4.06	4.06	4.13	4.19	4.14	Tốt
		TT GDTX Gia Định - Hớn Quản	ĐTTX	Trần Duy Mỹ	54	34	4.38	4.29	4.26	4.24	4.35	4.29	4.26	4.29	4.35	4.41	4.35	4.38	4.50	4.41	4.50	4.53	4.50	4.41	4.50	4.53	4.39	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Trần Duy Mỹ	34	25	4.48	4.52	4.40	4.44	4.44	4.36	4.44	4.44	4.28	4.44	4.36	4.48	4.56	4.40	4.52	4.48	4.56	4.40	4.52	4.48	4.45	Rất tốt
		Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	ĐTTX	Trần Hoàng Hà	19	9	4.44	4.67	4.56	4.56	4.67	4.44	4.44	4.56	4.33	4.44	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.56	4.53	Rất tốt
10	Giải tích	Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Võ Thanh Hải	33	10	4.48	4.49	4.44	4.47	4.48	4.46	4.45	4.51	4.48	4.49	4.48	4.50	4.49	4.47	4.53	4.53	4.51	4.48	4.53	4.55	4.49	Rất tốt
11	Giao tiếp trong kinh doanh	Cơ sở 3 - Bình Dương	VLVH	Nguyễn Minh Triết	20	16	4.56	4.69	4.75	4.38	4.63	4.31	4.44	4.56	4.56	4.56	4.38	4.63	4.69	4.56	4.50	4.63	4.69	4.56	4.50	4.63	4.56	Rất tốt
		TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Thu Hà	41	37	4.03	4.08	4.11	4.03	4.08	4.08	4.08	4.08	4.08	4.08	4.19	4.16	4.08	4.08	4.03	4.14	4.08	4.08	4.03	4.14	4.09	Tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Văn Long	41	29	4.31	4.31	4.34	4.38	4.41	4.38	4.34	4.34	4.41	4.38	4.45	4.41	4.48	4.31	4.41	4.38	4.48	4.31	4.41	4.38	4.38	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
12	Giới và Phát Triển	TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Đỗ Hồng Quân	60	33	4.39	4.27	4.42	4.39	4.39	4.39	4.27	4.42	4.42	4.36	4.39	4.48	4.45	4.42	4.45	4.45	4.45	4.42	4.45	4.45	4.41	Rất tốt
13	Hành vi khách hàng	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	ĐTTX	Lê Thị Huệ Linh	28	26	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.04	4.04	4.04	4.04	4.04	4.04	4.04	4.04	4.04	4.04	4.04	4.04	4.02	Tốt
		Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Nguyễn Thái Bình	41	33	4.09	4.15	4.18	4.12	4.06	4.06	4.00	4.15	4.21	4.15	4.12	4.12	4.18	4.03	4.18	4.15	4.18	4.03	4.18	4.15	4.13	Tốt
14	Hành vi tổ chức	Cơ sở 3 - Bình Dương	ĐTTX	Nguyễn Quang Vinh	22	16	4.13	4.13	4.06	4.13	3.94	4.06	4.06	3.94	3.88	4.00	4.13	4.00	3.88	4.00	4.00	4.19	3.88	4.00	4.00	4.19	4.03	Tốt
		Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Nguyễn Quang Vinh	29	18	4.50	4.50	4.50	4.44	4.61	4.33	4.50	4.56	4.56	4.56	4.56	4.50	4.50	4.44	4.67	4.56	4.50	4.44	4.67	4.56	4.52	Rất tốt
15	Hố đào sâu	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Võ Nguyễn Phú Huân	25	26	4.08	4.21	4.17	4.21	4.08	4.13	4.00	4.17	4.13	4.21	4.08	4.21	4.17	4.25	4.08	4.21	4.17	4.25	4.08	4.21	4.15	Tốt
16	Kế toán hành chính sự nghiệp	TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	Trần Thị Vinh	28	20	4.00	4.35	4.90	4.90	3.90	3.40	3.70	4.85	3.90	4.00	3.75	4.90	4.85	4.00	4.35	4.85	4.85	4.00	4.35	4.85	4.33	Rất tốt
17	Kế toán ngân hàng	Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	VLVH	Phạm Thị Phương Thảo	19	10	4.12	4.12	4.14	4.13	4.05	3.91	4.02	4.21	4.09	4.26	4.17	4.20	4.31	4.05	4.36	4.38	4.24	4.36	4.38	4.24	4.19	Tốt
18	Kế toán tài chính 2	Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	VLVH	Hoàng Huy Cường	10	8	4.09	4.12	4.04	4.08	4.00	3.91	3.99	4.18	4.04	4.25	4.11	4.18	4.28	3.98	4.33	4.33	4.22	4.32	4.32	4.25	4.15	Tốt
19	Kế toán tài chính 3	Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	VLVH	Trần Tuyết Thanh	11	7	4.14	4.09	4.05	4.16	4.09	3.97	4.03	4.24	4.13	4.34	4.27	4.31	4.32	4.10	4.41	4.37	4.27	4.41	4.37	4.27	4.22	Rất tốt
20	Kế toán và lập báo cáo thuế	TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	43	41	3.47	4.00	4.51	4.72	3.47	3.00	3.40	4.53	3.23	3.67	3.49	4.58	4.60	4.00	4.26	4.60	4.60	4.00	4.26	4.60	4.05	Tốt
21	Kiểm toán 1	TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	Lê Thị Thanh Xuân	28	20	3.85	4.30	4.80	4.70	3.80	3.25	3.60	5.00	3.50	4.00	3.50	4.85	4.60	4.00	4.40	5.00	4.60	4.00	4.40	5.00	4.26	Rất tốt
22	Kinh tế đô thị	TT GDNN - GDTX Quận Thốt Nốt	ĐTTX	Lê Công Tâm	21	20	4.40	4.55	4.50	4.50	4.60	4.45	4.50	4.60	4.50	4.60	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.45	4.55	4.55	4.55	4.45	4.53	Rất tốt
23	Kinh tế học đại cương	Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	ĐTTX	Lê Công Tâm	15	11	4.00	3.91	3.91	3.91	4.09	3.82	4.00	3.91	4.00	4.09	4.09	3.82	3.91	3.91	4.00	4.09	3.91	3.91	4.00	4.09	3.97	Tốt
		TT GDTX Huyện Đắk Pơ - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Quan Minh Quốc Bình	39	34	4.82	4.85	4.85	4.82	4.82	4.85	4.85	4.85	4.82	4.85	4.82	4.85	4.85	4.85	4.85	4.88	4.85	4.85	4.85	4.88	4.85	Rất tốt
24	Kinh tế vĩ mô	Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Bùi Anh Sơn	28	24	4.04	4.08	4.04	4.17	4.08	4.13	4.08	4.17	4.17	4.21	4.08	4.08	4.17	4.25	4.25	4.17	4.17	4.25	4.25	4.17	4.15	Tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Phạm Đình Long	22	11	4.73	4.64	4.64	4.64	4.64	4.55	4.73	4.64	4.55	4.64	4.55	4.73	4.82	4.73	4.82	4.73	4.82	4.73	4.82	4.73	4.69	Rất tốt
25	Kinh tế vi mô 1	TT GDTX Tây Ninh	ĐTTX	Dương Tiến Hà My	25	24	4.75	4.67	4.75	4.67	4.71	4.63	4.75	4.63	4.67	4.67	4.75	4.67	4.75	4.67	4.75	4.67	4.75	4.67	4.75	4.67	4.70	Rất tốt
26	Kinh tế vĩ mô 1	Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Quan Minh Quốc Bình	75	58	4.29	4.22	4.28	4.21	4.29	4.21	4.36	4.33	4.28	4.31	4.31	4.34	4.36	4.38	4.36	4.31	4.36	4.38	4.36	4.31	4.31	Rất tốt
27	Kỹ năng đàm phán	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Văn Long	40	28	4.57	4.57	4.43	4.61	4.46	4.57	4.54	4.54	4.57	4.64	4.54	4.57	4.57	4.64	4.61	4.64	4.57	4.64	4.61	4.64	4.58	Rất tốt
28	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Võ Minh Đức	29	26	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	Rất tốt
		TT GDTX Bình Phước	ĐTTX	Võ Minh Đức	32	20	4.45	4.40	4.40	4.35	4.35	4.30	4.35	4.35	4.40	4.50	4.40	4.30	4.40	4.35	4.40	4.45	4.40	4.35	4.40	4.45	4.39	Rất tốt
		TT GDTX Tỉnh Ninh Thuận	VLVH	Võ Minh Đức	55	50	4.58	4.62	4.66	4.62	4.66	4.64	4.64	4.64	4.62	4.66	4.64	4.66	4.60	4.64	4.64	4.60	4.60	4.64	4.64	4.60	4.63	Rất tốt
		TT GDTX Long An	ĐTTX	Võ Minh Đức	17	12	4.92	4.83	4.83	4.92	4.83	4.75	4.83	4.92	4.83	4.83	4.83	4.83	4.92	4.83	4.92	4.75	4.92	4.83	4.92	4.75	4.85	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
29	Kỹ năng học tập	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Đàng Năng Hòa	40	39	4.54	4.51	4.44	4.54	4.51	4.54	4.51	4.49	4.49	4.51	4.56	4.51	4.51	4.44	4.46	4.49	4.51	4.44	4.46	4.49	4.50	Rất tốt
30	Kỹ năng tổ chức công sở	TT GDTX Bình Phước	ĐTTX	Phạm Huy Tiến	32	21	4.10	4.14	4.19	4.19	4.14	4.19	4.14	4.19	4.14	4.19	4.14	4.14	4.14	4.19	4.19	4.19	4.14	4.19	4.19	4.19	4.17	Tốt
		TT GDTX Huyện Chư Păh - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Phạm Huy Tiến	52	39	4.54	4.64	4.67	4.59	4.64	4.59	4.62	4.64	4.64	4.67	4.62	4.67	4.56	4.56	4.59	4.62	4.56	4.56	4.59	4.62	4.61	Rất tốt
31	Kỹ thuật xây dựng văn bản	TT GDTX Long An	ĐTTX	Nguyễn Hoàng Thịnh	17	9	5.00	5.00	5.00	4.89	5.00	5.00	5.00	5.00	4.89	4.89	4.89	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	4.98	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Tạ Thị Thanh Tâm	34	27	4.41	4.41	4.41	4.41	4.37	4.48	4.48	4.41	4.37	4.41	4.44	4.48	4.52	4.37	4.44	4.44	4.52	4.37	4.44	4.44	4.43	Rất tốt
		Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Trần Thị Mai Phước	28	17	4.76	4.88	4.82	4.76	4.82	4.71	4.71	4.71	4.76	4.76	4.71	4.76	4.65	4.76	4.76	4.82	4.76	4.76	4.82	4.76	4.76	Rất tốt
32	Lập kế hoạch kinh doanh	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Nguyễn Minh Triết	29	18	4.50	4.50	4.50	4.44	4.56	4.50	4.44	4.50	4.50	4.56	4.56	4.61	4.61	4.67	4.67	4.67	4.61	4.67	4.67	4.67	4.57	Rất tốt
		TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Thành Long	35	30	3.97	3.97	3.97	4.03	4.00	4.07	4.07	4.00	4.10	4.00	4.07	4.00	4.00	4.03	4.00	3.97	4.00	4.03	4.00	3.97	4.01	Tốt
		Cơ sở 3 - Bình Dương	ĐTTX	Nguyễn Thành Long	22	16	4.00	3.94	4.19	4.13	4.19	4.06	4.00	4.13	4.06	4.06	4.19	4.13	4.25	4.13	4.19	4.19	4.25	4.13	4.19	4.19	4.13	Tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Nguyễn Thành Long	39	32	4.31	4.44	4.28	4.25	4.16	4.16	4.16	4.34	4.16	4.31	4.28	4.28	4.38	4.28	4.25	4.34	4.38	4.28	4.25	4.34	4.28	Rất tốt
		TT GDTX Tây Ninh	ĐTTX	Nguyễn Thành Long	52	37	4.49	4.43	4.46	4.41	4.46	4.43	4.46	4.43	4.43	4.43	4.46	4.49	4.49	4.49	4.49	4.49	4.49	4.49	4.49	4.49	4.46	Rất tốt
33	Lịch sử nhà nước pháp luật	Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Nguyễn Hoàng Thịnh	55	30	4.20	4.27	4.27	4.30	4.37	4.30	4.37	4.30	4.37	4.33	4.20	4.27	4.33	4.33	4.47	4.27	4.33	4.47	4.27	4.33	4.32	Rất tốt
		Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	ĐTTX	Phạm Huy Tiến	15	9	4.11	4.11	4.00	4.00	4.11	3.89	3.89	3.89	4.00	4.00	4.00	3.89	4.00	3.89	3.89	4.00	4.00	3.89	3.89	4.00	3.97	Tốt
		TT GDTX Huyện Đắk Pơ - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Phạm Huy Tiến	39	36	4.67	4.67	4.56	4.58	4.58	4.58	4.53	4.56	4.50	4.47	4.50	4.53	4.56	4.50	4.50	4.53	4.56	4.50	4.50	4.53	4.54	Rất tốt
34	Logic học	Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	ĐTTX	Lê Hồng Thái	15	10	4.30	4.30	4.30	4.30	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.30	4.30	4.30	4.30	4.40	4.30	4.40	4.40	4.30	4.40	4.35	Rất tốt
		TT GDTX Bến Tre	VLVH	Lê Hồng Thái	18	15	4.27	4.33	4.33	4.20	4.33	4.27	4.47	4.60	4.60	4.53	4.60	4.47	4.47	4.40	4.40	4.67	4.47	4.40	4.40	4.67	4.44	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Nguyễn Thị Kim Yến	44	38	3.39	3.50	3.32	3.34	3.39	3.29	3.39	3.50	3.37	3.42	3.39	3.39	3.42	3.29	3.39	3.29	3.42	3.29	3.39	3.29	3.38	Trung bình
35	Luật cạnh tranh	Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Nguyễn Thị Thúy Nga	29	26	4.27	4.23	4.31	4.27	4.31	4.31	4.31	4.27	4.31	4.31	4.27	4.35	4.31	4.31	4.31	4.35	4.31	4.31	4.31	4.35	4.30	Rất tốt
		TT GDTX Long An	ĐTTX	Nguyễn Thị Thúy Nga	17	10	5.00	4.90	4.90	5.00	4.90	4.80	4.90	5.00	4.90	4.90	4.90	4.90	5.00	4.90	5.00	4.90	5.00	4.90	5.00	4.90	4.93	Rất tốt
		TT GDTX Bình Phước	ĐTTX	Nguyễn Tú	32	20	3.60	3.60	3.60	3.50	3.55	3.60	3.70	3.70	3.70	3.55	3.70	3.55	3.55	3.50	3.55	3.70	3.55	3.50	3.55	3.70	3.60	Tốt
		TT GDTX Tỉnh Ninh Thuận	VLVH	Nguyễn Tú	55	43	4.12	4.12	4.07	4.07	4.12	4.12	4.12	4.12	4.12	4.09	4.12	4.09	4.12	4.09	4.12	4.16	4.12	4.09	4.12	4.16	4.11	Tốt
		Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH	Từ Thanh Thảo	26	21	4.33	4.33	4.33	4.38	4.38	4.33	4.29	4.43	4.33	4.43	4.38	4.43	4.43	4.29	4.43	4.33	4.43	4.29	4.43	4.33	4.37	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
36	Luật dân sự 2	TTGDNN-GDTX TX Lagi	VLVH	Phạm Thị Kim Phượng	43	14	3.57	4.00	4.14	4.93	3.64	3.21	3.57	4.93	3.43	4.00	3.29	4.43	4.86	4.00	4.14	4.64	4.86	4.00	4.14	4.64	4.12	Tốt
37	Luật đất đai	Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Huỳnh Anh Như	19	15	4.00	3.93	3.93	3.93	3.93	3.80	3.80	3.93	3.80	3.87	3.87	3.73	4.07	3.93	4.00	4.07	4.07	3.93	4.00	4.07	3.93	Tốt
		TT GDTX Thanh niên xung phong	ĐTTX	Nguyễn Nam Phương	33	31	4.42	4.42	4.48	4.45	4.45	4.52	4.45	4.45	4.45	4.45	4.52	4.48	4.48	4.45	4.45	4.48	4.48	4.45	4.45	4.48	4.46	Rất tốt
38	Luật du lịch	Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Trần Thị Mai Phước	41	32	4.19	4.22	4.25	4.19	4.28	4.13	4.22	4.28	4.19	4.22	4.22	4.22	4.25	4.19	4.19	4.25	4.25	4.19	4.19	4.25	4.22	Rất tốt
39	Luật hành chính	Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Diệp Thanh Sơn	29	24	3.83	3.83	3.92	3.75	3.88	3.83	3.79	3.88	3.79	3.88	3.88	3.88	3.88	3.83	3.88	3.92	3.88	3.83	3.88	3.92	3.86	Tốt
		TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Lương Thị Thu Hương	30	27	4.44	4.44	4.44	4.44	4.33	4.33	4.41	4.41	4.41	4.44	4.33	4.22	4.44	4.41	4.48	4.48	4.44	4.41	4.48	4.48	4.41	Rất tốt
40	Luật hiến pháp	Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	ĐTTX	Huỳnh Minh Luân	15	11	4.09	4.09	4.00	3.91	3.91	3.91	4.00	4.00	3.91	4.09	4.09	4.00	4.00	3.91	3.91	4.09	4.00	3.91	3.91	4.09	3.99	Tốt
		TT GDTX Huyện Đắk Pơ - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Trần Thị Mai Phước	39	35	4.83	4.83	4.86	4.83	4.83	4.86	4.86	4.86	4.83	4.86	4.86	4.83	4.80	4.83	4.83	4.83	4.80	4.83	4.83	4.83	4.83	Rất tốt
41	Luật hiến pháp nước ngoài	TT GDTX Huyện Chư Păh - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Trần Thị Mai Phước	52	37	4.49	4.51	4.49	4.46	4.49	4.49	4.51	4.51	4.43	4.46	4.46	4.49	4.49	4.46	4.46	4.49	4.49	4.46	4.46	4.49	4.48	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Trần Thị Mai Phước	36	27	4.78	4.74	4.70	4.81	4.78	4.81	4.74	4.85	4.81	4.70	4.74	4.74	4.78	4.78	4.81	4.70	4.78	4.78	4.81	4.70	4.77	Rất tốt
42	Luật hình sự	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Phạm Thanh Tú	26	22	4.45	4.36	4.36	4.36	4.36	4.36	4.27	4.36	4.41	4.45	4.41	4.45	4.41	4.41	4.50	4.50	4.41	4.41	4.50	4.50	4.41	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Phạm Thanh Tú	29	27	4.41	4.44	4.48	4.37	4.37	4.37	4.37	4.44	4.44	4.44	4.44	4.41	4.48	4.44	4.52	4.56	4.48	4.44	4.52	4.56	4.45	Rất tốt
43	Luật học so sánh	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Đăng Nghĩa	33	33	4.18	4.18	4.18	4.21	4.21	4.24	4.24	4.24	4.33	4.33	4.30	4.30	4.27	4.24	4.30	4.30	4.27	4.24	4.30	4.30	4.26	Rất tốt
		TT GDTX Huyện Chư Păh - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Nguyễn Đăng Nghĩa	52	37	4.37	4.39	4.42	4.37	4.42	4.34	4.37	4.37	4.39	4.39	4.42	4.39	4.32	4.37	4.45	4.42	4.32	4.37	4.45	4.42	4.39	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Trần Văn Long	36	34	3.85	3.88	3.88	3.76	3.88	3.88	3.82	3.82	3.79	3.82	3.82	3.85	3.82	3.88	3.91	3.82	3.82	3.88	3.91	3.82	3.85	Tốt
44	Luật hôn nhân gia đình	Trường CĐ Nghề Long An - CS Đức Hòa	VLVH	Nguyễn Văn Tiến	47	47	4.47	4.47	4.38	4.38	4.40	4.28	4.53	4.51	4.51	4.55	4.40	4.55	4.49	4.57	4.62	4.60	4.49	4.57	4.62	4.60	4.50	Rất tốt
		TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	Phạm Thị Kim Phượng	43	43	3.60	4.21	4.21	4.74	3.49	3.37	3.37	4.79	3.53	4.00	3.16	4.81	4.44	4.09	4.26	4.28	4.44	4.09	4.26	4.28	4.07	Tốt
		Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	ĐTTX	Phạm Thị Kim Phượng	19	11	4.27	4.36	4.09	4.00	4.09	3.64	3.91	4.27	4.09	4.36	4.09	4.09	4.27	3.91	4.18	4.18	4.27	3.91	4.18	4.18	4.12	Tốt
45	Luật kinh doanh bất động sản	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Nam Phương	25	22	4.41	4.50	4.41	4.41	4.41	4.59	4.45	4.50	4.45	4.45	4.41	4.45	4.50	4.45	4.50	4.55	4.50	4.45	4.50	4.55	4.47	Rất tốt
		Trường CĐ Nghề Long An - CS Đức Hòa	VLVH	Nguyễn Nam Phương	47	47	4.49	4.51	4.49	4.47	4.45	4.47	4.47	4.47	4.49	4.49	4.49	4.49	4.49	4.51	4.51	4.51	4.49	4.51	4.51	4.51	4.49	Rất tốt
		TT GDTX Huyện Chư Păh - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Nguyễn Nam Phương	52	43	4.53	4.58	4.56	4.58	4.58	4.47	4.53	4.56	4.56	4.58	4.58	4.60	4.58	4.53	4.56	4.56	4.58	4.53	4.56	4.56	4.56	Rất tốt
46	Luật lao động	TT GDTX Bình Phước	ĐTTX	Huỳnh Thị Kim Lan	32	22	4.05	3.95	4.00	3.95	3.95	3.91	3.95	3.95	3.86	3.95	3.86	3.95	4.00	3.95	4.00	4.05	4.00	3.95	4.00	4.05	3.97	Tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Trần Anh Thục Đoan	29	23	4.17	4.22	4.13	4.22	4.17	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.17	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.21	Rất tốt
		TT GDTX Tỉnh Ninh Thuận	VLVH	Trần Anh Thục Đoan	55	48	4.19	4.25	4.25	4.25	4.27	4.27	4.23	4.29	4.29	4.29	4.25	4.27	4.27	4.27	4.27	4.25	4.27	4.27	4.27	4.25	4.26	Rất tốt
		TT GDNN - GDTX Quận Thốt Nốt	ĐTTX	Trần Anh Thục Đoan	21	19	4.37	4.47	4.42	4.53	4.58	4.47	4.53	4.53	4.47	4.53	4.53	4.53	4.53	4.47	4.53	4.53	4.53	4.47	4.53	4.53	4.50	Rất tốt
		TT GDTX Long An	ĐTTX	Trần Thị Kim Huế	17	54	4.24	4.26	4.24	4.30	4.26	4.22	4.28	4.33	4.20	4.28	4.28	4.28	4.26	4.31	4.33	4.30	4.26	4.31	4.33	4.30	4.28	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
47	Luật lao động (XHH)	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Trần Anh Thục Đoan	24	19	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	Rất tốt
48	Luật môi trường	Trường CĐ Nghề Long An - CS Đức Hòa	VLVH	Võ Trung Tín	47	47	4.21	4.25	4.25	4.19	4.25	4.23	4.21	4.25	4.23	4.23	4.21	4.23	4.23	4.21	4.21	4.21	4.23	4.21	4.21	4.21	4.22	Rất tốt
		Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Nguyễn Thị Cát Tường	28	17	4.76	4.82	4.82	4.82	4.88	4.65	4.76	4.71	4.76	4.76	4.71	4.82	4.82	4.88	4.82	4.82	4.88	4.82	4.82	4.88	4.80	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Phan Phương Nam	67	65	4.02	3.98	4.03	4.02	4.06	3.98	3.95	4.00	4.06	4.05	4.05	4.05	4.08	4.06	4.03	4.09	4.08	4.06	4.03	4.09	4.04	Tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Phan Thy Tường Vi	34	14	4.43	4.43	4.21	4.14	4.29	4.21	4.36	4.36	4.29	4.29	4.21	4.29	4.14	4.21	4.43	4.43	4.14	4.21	4.43	4.43	4.30	Rất tốt
49	Luật sở hữu trí tuệ	Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Nguyễn Thanh Hùng	67	54	4.15	4.13	4.17	4.17	4.19	4.15	4.19	4.20	4.22	4.22	4.19	4.30	4.28	4.30	4.26	4.26	4.28	4.30	4.26	4.26	4.22	Rất tốt
		Trường CĐ Nghề Long An - CS Đức Hòa	VLVH	Nguyễn Thanh Hùng	47	46	4.39	4.41	4.37	4.41	4.37	4.41	4.33	4.37	4.33	4.37	4.33	4.37	4.33	4.37	4.33	4.37	4.33	4.37	4.33	4.37	4.36	Rất tốt
		TT GDNN - GDTX Quận Thốt Nốt	ĐTTX	Nguyễn Thanh Hùng	21	20	4.35	4.50	4.55	4.50	4.45	4.55	4.50	4.55	4.45	4.55	4.50	4.55	4.55	4.50	4.55	4.55	4.55	4.50	4.55	4.55	4.52	Rất tốt
		Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Nguyễn Thanh Hùng	28	14	4.93	4.93	4.86	4.93	4.86	4.93	4.79	4.79	4.86	5.00	4.93	4.93	5.00	4.93	5.00	4.93	4.93	5.00	4.93	4.93	4.92	Rất tốt
50	Luật tài chính	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Diệp Thanh Sơn	26	21	4.29	4.29	4.19	4.14	4.24	4.14	4.14	4.24	4.19	4.29	4.29	4.24	4.24	4.19	4.33	4.14	4.24	4.19	4.33	4.14	4.22	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Diệp Thanh Sơn	29	27	4.26	4.26	4.33	4.30	4.33	4.30	4.26	4.30	4.30	4.26	4.33	4.26	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.29	Rất tốt
		TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	Lê Xuân Quang	43	19	4.37	4.47	4.32	4.42	4.26	4.11	4.16	4.37	4.11	4.53	4.21	4.37	4.53	4.26	4.58	4.58	4.53	4.26	4.58	4.58	4.38	Rất tốt
51	Luật thi hành án dân sự	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	47	41	4.51	4.44	4.44	4.59	4.54	4.49	4.39	4.51	4.44	4.49	4.46	4.54	4.56	4.37	4.59	4.59	4.56	4.37	4.59	4.59	4.50	Rất tốt
		Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	26	26	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	Rất tốt
52	Luật thuế (pháp luật về thuế)	TT GDTX Bình Phước	ĐTTX	Lê Xuân Quang	62	6	3.67	3.83	4.00	3.83	3.67	3.67	4.00	3.83	3.67	3.83	3.83	4.00	4.00	3.83	3.67	3.83	4.00	3.83	3.67	3.83	3.83	Tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Lê Xuân Quang	67	58	3.98	4.00	4.02	4.02	4.03	3.98	4.02	4.00	3.98	3.97	4.02	4.02	4.03	4.00	4.03	4.02	4.03	4.00	4.03	4.02	4.01	Tốt
53	Luật thương mại 1	TT GDTX Thanh niên xung phong	ĐTTX	Nguyễn Thị Tâm	33	30	4.47	4.43	4.50	4.50	4.47	4.50	4.47	4.47	4.50	4.50	4.50	4.47	4.47	4.53	4.47	4.50	4.47	4.53	4.47	4.50	4.49	Rất tốt
54	Luật thương mại quốc tế	TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	Nguyễn Tú	42	31	4.48	4.65	4.48	4.61	4.55	4.52	4.58	4.55	4.45	4.65	4.55	4.55	4.58	4.58	4.58	4.58	4.58	4.58	4.58	4.58	4.56	Rất tốt
55	Luật tố tụng dân sự	TT GDTX Bến Tre	VLVH	Trần Anh Thục Đoan	34	17	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	Rất tốt
56	Luật tố tụng hành chính	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Diệp Thanh Sơn	47	42	4.52	4.43	4.40	4.43	4.45	4.40	4.36	4.52	4.38	4.40	4.43	4.43	4.43	4.31	4.43	4.52	4.43	4.31	4.43	4.52	4.43	Rất tốt
		TT GDTX Tỉnh Ninh Thuận	VLVH	Diệp Thanh Sơn	55	54	4.56	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	4.57	Rất tốt
		Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH	Diệp Thanh Sơn	26	26	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Lương Thị Thu Hương	29	23	4.17	4.22	4.22	4.26	4.22	4.26	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.26	4.22	4.26	4.22	4.26	4.22	4.26	4.22	4.23	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Thị Nhàn	36	31	4.68	4.77	4.74	4.81	4.74	4.84	4.81	4.84	4.81	4.90	4.84	4.77	4.81	4.87	4.74	4.84	4.81	4.87	4.74	4.84	4.80	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
57	Luật tố tụng hình sự	TT GDTX Bình Phước	ĐTTX	Nguyễn Đình Sơn	62	32	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	4.19	Tốt
		TT GDTX Bến Tre	VLVH	Phạm Thanh Tú	34	34	4.76	4.76	4.59	4.50	4.56	4.56	4.59	4.47	4.68	4.68	4.68	4.38	4.65	4.65	4.53	4.47	4.65	4.65	4.53	4.47	4.59	Rất tốt
		TT GDTX Thanh niên xung phong	ĐTTX	Phan Ái Nhi	33	30	4.40	4.43	4.50	4.50	4.47	4.53	4.50	4.50	4.53	4.47	4.40	4.47	4.50	4.47	4.50	4.50	4.50	4.47	4.50	4.50	4.48	Rất tốt
58	Luyện dịch 2	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Bùi Đỗ Công Thành	31	17	4.47	4.41	4.41	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.47	4.41	4.47	4.47	4.47	4.41	4.46	Rất tốt
59	Luyện dịch 3	Học viện Chính trị KV2	ĐTTX	Nguyễn Phước Bích Hằng	45	31	4.77	4.77	4.84	4.84	4.81	4.84	4.81	4.77	4.81	4.84	4.81	4.77	4.81	4.81	4.81	4.77	4.81	4.81	4.81	4.77	4.80	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Nguyễn Trần Ái Duy	30	20	4.35	4.30	4.10	4.55	4.50	4.35	4.45	4.30	4.40	4.35	4.30	4.45	4.55	4.40	4.55	4.45	4.55	4.40	4.55	4.45	4.42	Rất tốt
60	Lý luận NN và pháp luật	TT GDTX Bến Tre	VLVH	Bùi Đình Tiến	18	15	4.33	4.33	4.27	4.33	4.20	4.20	4.27	4.33	4.27	4.33	4.20	4.33	4.53	4.40	4.53	4.47	4.53	4.40	4.53	4.47	4.36	Rất tốt
61	Marketing căn bản	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Lâm Ngọc Điệp	40	39	4.38	4.41	4.36	4.36	4.41	4.36	4.41	4.44	4.46	4.46	4.44	4.41	4.49	4.46	4.46	4.44	4.49	4.46	4.46	4.44	4.43	Rất tốt
		TT GDTX Tây Ninh	ĐTTX	Lâm Ngọc Điệp	25	24	4.75	4.67	4.75	4.67	4.75	4.67	4.75	4.67	4.71	4.63	4.71	4.63	4.71	4.63	4.71	4.63	4.71	4.63	4.71	4.63	4.68	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Đình Kim	19	19	4.42	4.47	4.42	4.47	4.53	4.37	4.42	4.42	4.32	4.42	4.47	4.37	4.47	4.37	4.58	4.47	4.47	4.37	4.58	4.47	4.44	Rất tốt
62	Marketing Quốc tế	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	ĐTTX	Nguyễn Tường Huy	28	13	4.00	3.92	4.23	4.62	4.69	4.54	4.31	4.38	4.15	4.23	4.31	4.46	4.54	4.77	4.54	4.69	4.54	4.77	4.54	4.69	4.45	Rất tốt
63	Nghe nói 2	Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	VLVH	Vũ Thị Hồng Vân	11	10	3.50	3.60	3.50	4.00	3.60	3.50	3.80	3.70	3.80	4.00	4.10	3.60	3.70	3.90	4.20	4.50	4.00	4.20	4.50	4.00	3.89	Tốt
64	Nghe nói 3	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Nguyễn Trần Ái Duy	31	16	4.44	4.38	4.44	4.44	4.44	4.44	4.38	4.44	4.44	4.50	4.44	4.50	4.44	4.50	4.44	4.50	4.44	4.50	4.44	4.50	4.45	Rất tốt
65	Nghe nói 4	Học viện Chính trị KV2	ĐTTX	Lê Hoàng Huy	45	31	4.74	4.77	4.77	4.74	4.84	4.81	4.81	4.77	4.84	4.81	4.84	4.77	4.84	4.81	4.84	4.81	4.84	4.81	4.84	4.81	4.80	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Lý Thị Mỹ Hạnh	30	21	3.57	3.67	3.62	3.43	3.71	3.57	3.62	4.00	3.52	3.81	3.81	3.95	3.71	3.81	4.10	4.10	3.71	3.81	4.10	4.10	3.79	Tốt
66	Ngữ Âm - Âm vị học	Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Nguyễn Ngọc Tuyền	30	28	4.04	4.04	3.86	3.89	3.93	3.79	3.82	3.82	3.86	3.96	3.93	4.04	4.00	4.00	4.04	3.89	4.00	4.00	4.04	3.89	3.94	Tốt
		Học viện Chính trị KV2	ĐTTX	Nguyễn Quốc Bảo	45	31	4.81	4.84	4.81	4.74	4.77	4.77	4.81	4.81	4.81	4.84	4.81	4.87	4.84	4.81	4.71	4.81	4.84	4.81	4.71	4.81	4.80	Rất tốt
67	Ngữ nghĩa học	Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	VLVH	Vũ Thị Thu Trinh	18	14	3.71	3.86	4.07	4.14	4.00	3.93	4.21	3.79	3.79	4.57	3.93	4.29	4.14	3.93	4.43	4.50	4.21	4.43	4.50	4.21	4.13	Tốt
68	Nguyên lý kế toán	TT GDTX Tây Ninh	ĐTTX	Nguyễn Hoàng Phi Nam	25	23	4.78	4.70	4.78	4.70	4.74	4.70	4.74	4.70	4.70	4.65	4.70	4.65	4.74	4.61	4.74	4.65	4.74	4.61	4.74	4.65	4.70	Rất tốt
69	Nhập môn khoa học giao tiếp	TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Phan Thị Mai Quyên	60	34	4.32	4.18	4.32	4.26	4.26	4.24	4.35	4.32	4.24	4.24	4.29	4.26	4.26	4.26	4.29	4.32	4.26	4.26	4.29	4.32	4.28	Rất tốt
70	Những NLCB của CN Mác-Lênin P1	Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	La Minh Trọng	51	30	4.00	4.00	4.00	4.03	4.07	4.03	4.10	4.10	4.03	4.10	3.97	3.93	4.00	3.93	4.00	4.00	4.00	3.93	4.00	4.00	4.01	Tốt
		TT GDTX Tây Ninh	ĐTTX	Lê Văn Sang	25	21	4.76	4.67	4.76	4.67	4.76	4.62	4.76	4.67	4.71	4.62	4.71	4.62	4.71	4.62	4.71	4.62	4.71	4.62	4.71	4.62	4.68	Rất tốt
		TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Phạm Phát	60	31	4.52	4.48	4.42	4.52	4.58	4.45	4.52	4.58	4.61	4.61	4.55	4.35	4.48	4.42	4.48	4.48	4.48	4.42	4.48	4.48	4.50	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
71	Những NLCB của CN Mác-Lenin P2	TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	La Minh Trọng	43	10	4.70	4.30	4.10	4.00	3.70	3.70	3.70	3.80	3.70	3.90	3.60	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00	3.96	Tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	La Minh Trọng	51	30	3.87	3.97	3.90	4.00	4.00	3.93	4.03	4.03	3.93	4.00	3.97	3.97	4.07	4.13	4.07	4.13	4.07	4.13	4.07	4.13	4.02	Tốt
		TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Nguyễn Văn Kháng	26	25	4.40	4.32	4.28	4.28	4.44	4.28	4.24	4.24	4.16	4.28	4.28	4.40	4.32	4.32	4.36	4.24	4.32	4.32	4.36	4.24	4.30	Rất tốt
72	Phân tích báo cáo tài chính	TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	Võ Minh Long	28	20	3.80	4.15	4.15	4.95	3.50	3.20	3.70	4.95	3.10	4.00	3.55	4.65	4.75	4.00	4.40	4.90	4.75	4.00	4.40	4.90	4.19	Tốt
73	Phân tích định lượng trong quản trị	Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Đoàn Thị Thanh Thúy	75	58	4.19	4.10	3.98	3.64	4.10	3.90	4.00	4.03	4.07	4.19	4.12	4.14	4.21	4.07	4.31	4.03	4.21	4.07	4.31	4.03	4.09	Tốt
74	Pháp luật cộng đồng Asean	TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	Đào Nguyên Phương Thảo	42	28	4.57	4.68	4.46	4.50	4.61	4.57	4.61	4.61	4.50	4.64	4.54	4.50	4.50	4.50	4.54	4.57	4.50	4.50	4.54	4.57	4.55	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Đào Nguyên Phương Thảo	36	12	4.33	4.50	4.42	4.67	4.67	4.67	4.67	4.67	4.67	4.67	4.67	4.67	4.67	4.67	4.67	4.58	4.67	4.67	4.67	4.58	4.62	Rất tốt
75	Pháp luật đại cương	Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Nguyễn Đình Sơn	27	22	4.14	4.14	4.18	4.05	4.05	4.09	4.09	4.09	4.05	4.05	4.09	4.09	4.05	4.05	4.09	4.05	4.05	4.05	4.09	4.05	4.08	Tốt
		TT GDTX Bến Tre	VLVH	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	15	14	4.36	4.50	4.50	4.57	4.36	4.36	4.36	4.43	4.50	4.50	4.57	4.57	4.57	4.43	4.43	4.43	4.57	4.43	4.43	4.43	4.46	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Tống Hào Kiệt	19	19	4.42	4.53	4.42	4.53	4.58	4.42	4.42	4.42	4.32	4.58	4.58	4.47	4.42	4.32	4.63	4.37	4.42	4.32	4.63	4.37	4.46	Rất tốt
76	Pháp luật thanh tra và khiếu nại , tố cáo	TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Phan Thị Kim Phương	47	42	4.57	4.50	4.43	4.60	4.50	4.55	4.45	4.57	4.45	4.45	4.60	4.64	4.60	4.48	4.60	4.64	4.60	4.48	4.60	4.64	4.55	Rất tốt
77	Pháp luật về các loại hình thương nhân và phá sản	Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Bùi Ngọc Tuyền	82	68	3.87	3.88	3.84	3.81	3.78	3.78	3.87	3.82	3.91	3.87	3.87	3.88	3.84	3.87	3.93	3.88	3.84	3.87	3.93	3.88	3.86	Tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Thị Tâm	34	27	4.22	4.30	4.30	4.22	4.30	4.33	4.33	4.30	4.22	4.30	4.26	4.30	4.33	4.26	4.30	4.33	4.33	4.26	4.30	4.33	4.29	Rất tốt
		TT GDTX Bình Phước	ĐTTX	Nguyễn Thị Tâm	62	32	4.09	4.31	4.13	4.31	4.22	4.41	4.25	4.44	4.19	4.34	4.31	4.44	4.22	4.41	4.25	4.41	4.22	4.41	4.25	4.41	4.30	Rất tốt
78	Pháp luật về công chứng và chứng thực	TTGDNN-GDTX TX Lagi	ĐTTX	Phạm Thị Kim Phượng	42	28	4.54	4.64	4.54	4.50	4.54	4.43	4.61	4.54	4.46	4.61	4.57	4.50	4.57	4.54	4.57	4.50	4.57	4.54	4.57	4.50	4.54	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Phạm Thị Kim Phượng	36	19	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	Rất tốt
79	Pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm	TT GDNN - GDTX TX Lagi-Bình Thuận	ĐTTX	Vũ Thế Hoài	42	28	4.61	4.64	4.43	4.50	4.50	4.46	4.57	4.57	4.39	4.64	4.54	4.46	4.50	4.54	4.54	4.50	4.50	4.54	4.54	4.50	4.52	Rất tốt
		TT GDTX Huyện Chư Păh - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Vũ Thế Hoài	52	31	4.58	4.61	4.58	4.58	4.61	4.48	4.55	4.55	4.61	4.58	4.61	4.61	4.61	4.58	4.58	4.58	4.61	4.58	4.58	4.58	4.58	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Vũ Thế Hoài	36	27	4.85	4.70	4.85	4.85	4.81	4.74	4.81	4.85	4.89	4.78	4.81	4.85	4.85	4.89	4.89	4.85	4.85	4.89	4.89	4.85	4.84	Rất tốt
80	Pháp luật về hoạt động thương mại và giải quyết tranh chấp	Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Bùi Ngọc Tuyền	36	24	4.42	4.38	4.29	4.25	4.21	4.13	4.29	4.29	4.29	4.38	4.29	4.38	4.29	4.33	4.42	4.42	4.29	4.33	4.42	4.42	4.33	Rất tốt
		Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Bùi Ngọc Tuyền	28	14	4.79	4.86	4.79	4.86	4.86	4.71	4.86	4.86	4.93	4.79	4.79	4.86	4.79	4.93	4.86	4.86	4.79	4.86	4.86	4.79	4.83	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Lê Thị Tuyết Hà	67	59	3.93	3.95	4.03	4.03	4.02	4.00	4.00	4.00	4.00	4.02	4.00	4.00	4.02	4.00	4.02	4.02	4.02	4.00	4.02	4.02	4.00	Tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
81	Phương pháp nghiên cứu luật học	TT GDTX Bình Phước	ĐTTX	Lê Thị Hồng Nhung	62	33	4.06	4.03	4.12	4.09	4.30	4.18	4.06	4.09	4.12	4.03	4.12	4.09	4.18	4.12	4.09	4.09	4.18	4.12	4.09	4.09	4.11	Tốt
		TT GDTX Bến Tre	VLVH	Vũ Thế Hoài	34	31	4.97	4.97	4.97	4.97	5.00	4.97	5.00	5.00	4.97	4.97	4.97	5.00	5.00	4.97	5.00	4.97	5.00	4.97	5.00	4.97	4.98	Rất tốt
82	Quan hệ công chúng	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	29	19	4.53	4.53	4.47	4.53	4.47	4.42	4.47	4.47	4.32	4.47	4.47	4.47	4.53	4.47	4.63	4.53	4.53	4.47	4.63	4.53	4.50	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Nguyễn Thị Minh Mẫn	45	33	4.45	4.36	4.42	4.42	4.30	4.42	4.48	4.45	4.36	4.42	4.45	4.45	4.39	4.36	4.55	4.58	4.39	4.36	4.55	4.58	4.44	Rất tốt
83	Quản trị chiến lược	Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Huỳnh Kim Tôn	41	33	4.00	3.91	3.70	3.61	3.88	3.82	3.79	4.21	4.00	4.21	4.12	4.12	3.85	3.79	4.21	3.97	3.85	3.79	4.21	3.97	3.95	Tốt
84	Quản trị chuỗi cung ứng	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	ĐTTX	Đỗ Thành Lưu	28	28	4.04	4.04	4.04	4.04	4.04	4.00	4.04	4.11	4.07	4.11	4.11	4.14	4.14	4.14	4.14	4.04	4.14	4.14	4.14	4.04	4.08	Tốt
85	Quản trị dịch vụ	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Nguyễn Kim Anh	29	18	4.44	4.44	4.44	4.39	4.39	4.39	4.39	4.39	4.39	4.33	4.44	4.44	4.56	4.56	4.67	4.56	4.56	4.56	4.67	4.56	4.48	Rất tốt
		Cơ sở 3 - Bình Dương	ĐTTX	Nguyễn Văn Long	22	17	3.88	3.94	3.88	3.82	3.76	3.94	3.82	3.88	3.94	3.88	3.82	3.82	3.82	3.94	4.06	4.00	3.82	3.94	4.06	4.00	3.90	Tốt
86	Quản trị dự án	Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Ninh Hiếu Nghĩa	41	32	3.94	3.88	3.66	3.78	3.84	3.72	3.72	3.88	3.94	3.97	3.94	3.94	3.84	3.84	3.88	3.84	3.84	3.84	3.88	3.84	3.85	Tốt
87	Quản trị học	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Đình Kim	40	40	4.25	4.20	4.33	4.30	4.23	4.25	4.28	4.30	4.28	4.30	4.28	4.35	4.25	4.38	4.35	4.43	4.25	4.38	4.35	4.43	4.31	Rất tốt
		TT GDTX Huyện Đắk Pơ - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Nguyễn Đình Kim	39	37	4.78	4.78	4.76	4.76	4.78	4.78	4.78	4.78	4.76	4.78	4.81	4.86	4.86	4.86	4.86	4.86	4.86	4.86	4.86	4.86	4.82	Rất tốt
		Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Quốc Hưng	19	18	4.28	4.28	4.33	4.28	4.44	4.39	4.22	4.33	4.28	4.44	4.33	4.33	4.33	4.11	4.44	4.39	4.33	4.11	4.44	4.39	4.33	Rất tốt
88	Quản trị kinh doanh Quốc Tế	TT GDTX Bến Tre	VLVH	Trương Mỹ Diễm	40	25	4.00	4.12	4.20	4.20	4.36	4.20	4.24	4.12	4.24	4.12	4.28	4.28	4.20	4.24	4.20	4.20	4.20	4.24	4.20	4.20	4.20	Tốt
89	Quản trị marketing	Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	VLVH	Huỳnh Hạnh Phúc	20	17	4.29	4.12	4.47	4.41	4.53	4.53	4.47	4.29	4.71	4.53	4.47	4.71	4.65	4.12	4.76	4.82	4.65	4.76	4.82	4.65	4.54	Rất tốt
		Cơ sở 3 - Bình Dương	VLVH	Lâm Ngọc Điệp	20	16	4.50	4.50	4.63	4.63	4.56	4.56	4.56	4.44	4.56	4.63	4.50	4.69	4.69	4.63	4.69	4.75	4.69	4.63	4.69	4.75	4.61	Rất tốt
90	Quản trị nhân lực	Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Phạm Nam Vĩnh An	19	19	4.42	4.42	4.32	4.37	4.53	4.42	4.53	4.47	4.47	4.53	4.32	4.42	4.21	4.26	4.53	4.42	4.21	4.26	4.53	4.42	4.40	Rất tốt
		Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	VLVH	Phan Thị Thanh Huyền	10	9	4.00	4.11	3.78	4.33	4.11	3.89	3.78	4.22	3.89	4.11	4.33	4.11	4.44	4.11	4.33	3.78	4.11	4.33	3.78	4.11	4.08	Tốt
		TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Vũ Thanh Hiếu	30	35	4.49	4.49	4.43	4.46	4.51	4.46	4.46	4.46	4.49	4.54	4.49	4.51	4.51	4.54	4.57	4.51	4.54	4.57	4.54	4.63	4.51	Rất tốt
91	Quản trị sự thay đổi	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	ĐTTX	Phạm Thế Trí	28	28	4.25	4.29	4.32	4.39	4.54	4.36	4.36	4.39	4.36	4.43	4.39	4.39	4.43	4.39	4.43	3.89	4.43	4.39	4.43	3.89	4.34	Rất tốt
92	Quản trị tài chính	Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Nguyễn Minh Thơ	75	61	4.10	4.16	4.13	4.10	4.15	4.15	4.20	4.21	4.13	4.16	4.11	4.13	4.21	4.23	4.20	4.20	4.21	4.23	4.20	4.20	4.17	Tốt
93	Quản trị thương hiệu	Cơ sở 3 - Bình Dương	VLVH	Lê Duy Khang	20	16	4.50	4.38	4.25	4.44	4.25	4.31	4.44	4.44	4.38	4.50	4.50	4.56	4.50	4.44	4.44	4.56	4.50	4.44	4.44	4.56	4.44	Rất tốt
94	Quản trị vận hành	TT GDTX Bến Tre	VLVH	Đỗ Thành Lưu	40	27	3.85	4.07	4.07	4.00	3.96	3.93	3.93	4.07	4.00	4.07	4.00	4.11	4.15	4.11	4.07	4.07	4.15	4.11	4.07	4.07	4.04	Tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
95	Sức bền vật liệu 1	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Lâm Ngọc Trà My	40	40	4.28	4.25	4.25	4.33	4.30	4.30	4.28	4.23	4.33	4.28	4.23	4.30	4.35	4.28	4.30	4.33	4.35	4.28	4.30	4.33	4.29	Rất tốt
96	Tài chính doanh nghiệp	Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	ĐTTX	Trần Hoàng Trúc Linh	15	12	2.50	2.33	2.42	2.58	2.42	2.33	2.33	2.58	2.42	2.50	2.33	2.50	2.50	2.25	2.58	2.33	2.42	2.58	2.33	2.42	2.43	Yếu
97	Tâm lý học đại cương	Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH	Trần Thị Thanh Trà	33	47	4.45	4.45	4.40	4.43	4.47	4.43	4.49	4.49	4.45	4.47	4.47	4.49	4.43	4.38	4.51	4.47	4.51	4.51	4.47	4.51	4.46	Rất tốt
		TT GDTX Huyện Đắk Pơ - Tỉnh Gia Lai	ĐTTX	Trần Thị Thanh Trà	39	34	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	4.97	5.00	5.00	5.00	4.97	5.00	5.00	5.00	Rất tốt
98	Tham vấn trẻ trong HCĐB khó khăn	TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Phan Thị Mai Quyên	56	56	4.59	4.61	4.57	4.52	4.64	4.61	4.57	4.68	4.66	4.68	4.63	4.68	4.68	4.59	4.64	4.71	4.68	4.59	4.64	4.71	4.63	Rất tốt
99	Thực tập tốt nghiệp xã hội học	TT GDTX Long An	ĐTTX	Bùi Nhựt Phong	52	50	4.20	4.18	4.18	4.20	4.20	4.22	4.24	4.24	4.22	4.24	4.24	4.22	4.24	4.26	4.30	4.26	4.24	4.26	4.30	4.26	4.24	Rất tốt
100	Thương mại điện tử	Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Bùi Ngọc Tuấn Anh	75	57	3.98	4.04	4.05	3.91	4.00	3.95	4.07	4.12	4.05	4.04	4.04	4.09	4.05	4.14	4.16	4.05	4.05	4.14	4.16	4.05	4.06	Tốt
		TT GDTX Bến Tre	VLVH	Bùi Ngọc Tuấn Anh	40	29	4.03	4.14	4.31	4.17	4.34	4.17	4.31	4.24	4.14	4.28	4.34	4.21	4.28	4.14	4.24	4.17	4.28	4.14	4.24	4.17	4.22	Rất tốt
101	Tiếng Anh du lịch	Trường TC DL và KS Sài Gòn	ĐTTX	Trần Thị Qúy Thu	41	32	4.06	4.09	4.09	3.91	4.06	3.97	4.00	4.09	4.00	3.97	4.06	3.97	3.97	3.91	4.00	4.06	3.97	3.91	4.00	4.06	4.01	Tốt
102	Tin học trong quản lý dự án	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Nguyễn Thanh Phong	25	23	4.48	4.43	4.48	4.48	4.61	4.48	4.48	4.52	4.39	4.48	4.39	4.48	4.39	4.35	4.39	4.39	4.39	4.35	4.39	4.39	4.44	Rất tốt
103	Tin học ứng dụng trong khoa học	TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Bùi Nhựt Phong	56	56	4.50	4.55	4.55	4.48	4.52	4.55	4.55	4.59	4.50	4.50	4.50	4.50	4.54	4.54	4.57	4.55	4.54	4.54	4.57	4.55	4.53	Rất tốt
104	Toán cao cấp A1	TT GDTX Bến Tre	VLVH	Trần Trung Kiệt	25	15	4.67	4.60	4.60	4.67	4.73	4.67	4.73	4.67	4.73	4.60	4.67	4.80	4.80	4.67	4.67	4.67	4.80	4.67	4.67	4.67	4.69	Rất tốt
105	Toán cao cấp A2	TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Trần Trung Kiệt	40	32	4.03	4.09	4.00	4.22	4.09	4.09	4.03	4.13	4.16	4.06	4.06	4.09	4.09	4.19	4.03	4.06	4.09	4.19	4.03	4.06	4.09	Tốt
106	Tư pháp quốc tế	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH	Nguyễn Thanh Hùng	26	26	4.92	4.96	4.92	4.92	4.96	4.92	4.96	4.92	4.96	4.92	4.92	4.92	4.96	4.92	4.92	4.92	4.96	4.92	4.92	4.92	4.93	Rất tốt
		TT BD-CT Quận Tân Bình	ĐTTX	Phan Đặng Hiếu Thuận	47	39	3.90	3.82	3.69	3.79	3.85	3.77	3.79	3.87	3.69	3.87	3.90	3.87	3.82	3.79	3.87	3.85	3.82	3.79	3.87	3.85	3.82	Tốt
		Trường CĐ Nghề Long An - CS Đức Hòa	VLVH	Phan Đặng Hiếu Thuận	47	47	3.89	3.98	4.00	4.04	4.02	4.02	4.04	4.06	4.02	4.04	4.04	4.00	4.02	4.04	4.04	4.04	4.02	4.04	4.04	4.04	4.02	Tốt
		TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Phan Đặng Hiếu Thuận	25	25	4.08	4.08	4.08	4.08	4.08	4.16	4.08	4.12	4.08	4.16	4.08	4.12	4.08	4.16	4.08	4.12	4.08	4.16	4.08	4.12	4.10	Tốt
107	Tư tưởng Hồ Chí minh	Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	ĐTTX	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	35	18	4.72	4.72	4.78	4.72	4.67	4.67	4.72	4.61	4.67	4.67	4.61	4.72	4.83	4.78	4.83	4.72	4.83	4.78	4.83	4.72	4.73	Rất tốt
		TT GDTX Khánh Hòa	ĐTTX	Trần Hoàng Hà	41	41	4.37	4.39	4.39	4.41	4.41	4.44	4.41	4.46	4.46	4.41	4.46	4.46	4.39	4.39	4.37	4.34	4.39	4.39	4.37	4.34	4.40	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Võ Văn Hùng	65	48	4.29	4.35	4.38	4.42	4.38	4.35	4.35	4.44	4.42	4.42	4.35	4.42	4.33	4.44	4.40	4.35	4.33	4.44	4.40	4.35	4.38	Rất tốt

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
108	Văn hóa Anh -Mỹ	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Ngô Thị Bạch Loan	31	17	4.35	4.35	4.06	4.29	4.41	4.29	4.41	4.29	4.35	4.29	4.29	4.35	4.29	4.29	4.35	4.29	4.29	4.29	4.35	4.29	4.31	Rất tốt
		Trường CĐCĐ Bình Thuận	ĐTTX	Ngô Thị Bạch Loan	30	23	4.48	4.48	4.48	4.61	4.57	4.61	4.48	4.43	4.43	4.48	4.43	4.52	4.48	4.43	4.48	4.43	4.48	4.43	4.48	4.43	4.48	Rất tốt
109	Văn hóa doanh nghiệp	TT GDTX Bến Tre	VLVH	Võ Đăng Khoa	40	27	3.96	4.19	4.26	4.19	4.19	4.11	4.22	4.26	4.33	4.30	4.30	4.30	4.19	4.33	4.30	4.26	4.19	4.33	4.30	4.26	4.24	Rất tốt
110	Văn học Anh	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Đặng Anh Tuấn	31	17	4.35	4.29	4.29	4.35	4.35	4.35	4.35	4.41	4.29	4.29	4.29	4.29	4.41	4.29	4.41	4.29	4.41	4.29	4.41	4.29	4.34	Rất tốt
111	Vẽ kỹ thuật xây dựng	TT GDTX Bến Tre	VLVH	Nguyễn Ngọc Uyên	25	15	4.47	4.40	4.53	4.33	4.07	4.00	4.40	4.40	4.53	4.47	4.53	4.60	4.60	4.60	4.53	4.53	4.60	4.60	4.53	4.53	4.46	Rất tốt
112	Viết 2	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH	Lý Thị Mỹ Hạnh	31	16	4.06	4.19	4.06	4.19	4.06	4.06	4.19	4.19	4.19	4.13	4.38	4.25	4.31	4.31	4.19	4.25	4.31	4.31	4.19	4.25	4.20	Tốt
113	Viết 3	Trường CĐCĐ Bình Thuận	VLVH	Doãn Thị Ngọc	30	24	4.42	4.46	4.50	4.42	4.54	4.46	4.50	4.38	4.42	4.46	4.29	4.46	4.54	4.50	4.58	4.54	4.54	4.50	4.58	4.54	4.48	Rất tốt
114	Xã hội học đô thị	TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	ĐTTX	Lâm Thị Ánh Quyên	56	56	4.32	4.43	4.38	4.45	4.43	4.48	4.43	4.46	4.48	4.54	4.43	4.52	4.52	4.54	4.54	4.57	4.52	4.54	4.54	4.57	4.48	Rất tốt
115	Xã hội học phát triển	TT GDTX Long An	ĐTTX	Đỗ Hồng Quân	52	50	4.24	4.28	4.26	4.30	4.32	4.34	4.30	4.28	4.32	4.32	4.28	4.30	4.30	4.28	4.32	4.28	4.30	4.28	4.32	4.28	4.30	Rất tốt
					7620	**5902**	**4.32**	**4.34**	**4.33**	**4.35**	**4.33**	**4.28**	**4.31**	**4.37**	**4.31**	**4.36**	**4.33**	**4.38**	**4.39**	**4.34**	**4.40**	**4.40**	**4.39**	**4.36**	**4.39**	**4.39**	**4.35**	

PHỤ LỤC 2: SỐ LƯỢNG KHẢO SÁT PHÂN THEO ĐỊA ĐIỂM

STT	Địa điểm học	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	Tỉ lệ (%) TG đánh giá/sv đăng ký
1	Cơ sở 3 - Bình Dương	146	113	77.4%
2	Cơ Sở 5 - Ninh Hòa	117	76	65.0%
3	Học viện Chính trị KV2	135	93	68.9%
4	Trung tâm GDNN - GDTX Thị xã Lagi-Bình Thuận	467	302	64.7%
5	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	112	95	84.8%
6	Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	562	400	71.2%
7	Trường CĐ Nghề Long An - CS Đồng Tháp Mười	154	153	99.4%
8	Trường CĐ Nghề Long An - CS Đức Hòa	235	234	99.6%
9	Trường CĐCĐ Bình Thuận	1,112	899	80.8%
10	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	302	171	56.6%
11	**Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh (KS trực tuyến)**	**1,849**	**92**	**5.0%**
12	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	104	99	95.2%
13	Trường TC DL và KS Sài Gòn	580	455	78.4%
14	TT BD-CT Quận Tân Bình	266	232	87.2%
15	TT GDNN - GDTX Quận Thốt Nốt	84	79	94.0%
16	TT GDTX Bến Tre	348	264	75.9%
17	TT GDTX Bình Phước	408	206	50.5%
18	TT GDTX Gia Định - Hớn Quản	54	34	63.0%
19	TT GDTX Gia Định - Phú Nghĩa	404	320	79.2%
20	TT GDTX Huyện Chư Păh - Tỉnh Gia Lai	260	187	71.9%
21	TT GDTX Huyện Đắk Pơ - Tỉnh Gia Lai	195	176	90.3%
22	TT GDTX Khánh Hòa	599	558	93.2%
23	TT GDTX Long An	172	185	107.6%
24	TT GDTX Tây Ninh	204	161	78.9%
25	TT GDTX Thanh niên xung phong	132	123	93.2%
26	TT GDTX Tỉnh Ninh Thuận	220	195	88.6%
TỔNG		**9,221**	**5,902**	64.0%
Tỉ lệ TB sinh viên tham gia đánh giá/tổng số sinh viên đăng ký môn học				**64.01%**

PHỤ LỤC 3: THỐNG KÊ KẾT QUẢ TRUNG BÌNH THEO TỪNG NỘI DUNG

Mã	Nội dung phản hồi	Trung bình	Xếp loại
C1	Giảng viên (GV) giới thiệu chi tiết đề cương môn học	4.32	Rất tốt
C2	Nội dung giảng dạy phù hợp với mục tiêu và đề cương môn học	4.34	Rất tốt
C3	Nội dung môn học được cập nhật, phù hợp với nhu cầu công việc	4.33	Rất tốt
C4	Thời lượng giảng dạy mỗi môn là phù hợp	4.35	Rất tốt
C5	GV trình bày bài giảng rõ ràng và dễ hiểu	4.33	Rất tốt
C6	GV giảng dạy thu hút và hấp dẫn	4.28	Rất tốt
C7	GV quan tâm đến việc tiếp thu bài giảng của sinh viên	4.31	Rất tốt
C8	GV có cho bài tập để chấm điểm tham gia hoạt động trong lớp.	4.37	Rất tốt
C9	GV quản lý tốt sinh viên và tạo môi trường học tập tích cực trong trong buổi học	4.31	Rất tốt
C10	GV sẵn lòng trả lời các câu hỏi thắc mắc của SV về nội dung học tập	4.36	Rất tốt
C11	GV khuyến khích SV đặt câu hỏi và làm việc nhóm, thúc đẩy sinh viên tự học, tự nghiên cứu	4.33	Rất tốt
C12	GV công bằng trong đánh giá quá trình kết quả học tập	4.38	Rất tốt
C13	GV đảm bảo giờ lên lớp	4.39	Rất tốt
C14	GV sẵn lòng hỗ trợ sinh viên học tập ngoài giờ lên lớp	4.34	Rất tốt
C15	GV có tác phong sư phạm đúng mực	4.40	Rất tốt
C16	Tài liệu học tập cung cấp đầy đủ	4.40	Rất tốt
C17	Tài liệu học tập cung cấp kịp thời	4.39	Rất tốt
C18	GV giảng dạy theo đúng tài liệu nhà trường cung cấp	4.36	Rất tốt
C19	GV giảng dạy theo đúng thời khóa biểu	4.39	Rất tốt
C20	Theo Anh/Chị, **môn học** này phù hợp với ngành học	4.39	Rất tốt
	Số quan sát	**5,902**	

PHỤ LỤC 4: KẾT QUẢ KHẢO SÁT ONLINE

STT	Môn học chọn để đánh giá	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV tham gia đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
1	Bê tông cốt thép dự ứng lực	ĐTTX	Phan Vũ Phương	4	4	4.08	4.06	3.98	4.04	4.01	3.90	4.02	4.18	4.08	4.27	4.18	4.22	4.30	4.06	4.34	4.32	4.23	4.34	4.32	4.23	4.16	Tốt
2	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	ĐTTX	Hoàng Xuân Sơn	3	2	4.11	4.10	4.05	4.06	4.03	3.91	4.03	4.20	4.05	4.26	4.13	4.20	4.27	4.02	4.33	4.36	4.23	4.33	4.36	4.24	4.16	Tốt
3	Kế toán ngân hàng	VLVH	Phạm Thị Phương Thảo	19	10	4.12	4.12	4.14	4.13	4.05	3.91	4.02	4.21	4.09	4.26	4.17	4.20	4.31	4.05	4.36	4.38	4.24	4.36	4.38	4.24	4.19	Tốt
4	Kế toán tài chính 2	VLVH	Hoàng Huy Cường	10	8	4.09	4.12	4.04	4.08	4.00	3.91	3.99	4.18	4.04	4.25	4.11	4.18	4.28	3.98	4.33	4.33	4.22	4.32	4.32	4.25	4.15	Tốt
5	Kế toán tài chính 3	VLVH	Trần Tuyết Thanh	11	7	4.14	4.09	4.05	4.16	4.09	3.97	4.03	4.24	4.13	4.34	4.27	4.31	4.32	4.10	4.41	4.37	4.27	4.41	4.37	4.27	4.22	Rất tốt
6	Nghe nói 2	VLVH	Vũ Thị Hồng Vân	11	10	3.50	3.60	3.50	4.00	3.60	3.50	3.80	3.70	3.80	4.00	4.10	3.60	3.70	3.90	4.20	4.50	4.00	4.20	4.50	4.00	3.89	Tốt
7	Ngữ nghĩa học	VLVH	Vũ Thị Thu Trinh	18	14	3.71	3.86	4.07	4.14	4.00	3.93	4.21	3.79	3.79	4.57	3.93	4.29	4.14	3.93	4.43	4.50	4.21	4.43	4.50	4.21	4.13	Tốt
8	Quản trị marketing	VLVH	Huỳnh Hạnh Phúc	18	17	4.29	4.12	4.47	4.41	4.53	4.53	4.47	4.29	4.71	4.53	4.47	4.71	4.65	4.12	4.76	4.82	4.65	4.76	4.82	4.65	4.54	Rất tốt
9	Quản trị nhân lực	VLVH	Phan Thị Thanh Huyền	25	9	4.00	4.11	3.78	4.33	4.11	3.89	3.78	4.22	3.89	4.11	4.33	4.11	4.44	4.11	4.33	3.78	4.11	4.33	3.78	4.11	4.08	Tốt
10	Tài chính doanh nghiệp	ĐTTX	Trần Hoàng Trúc Linh	16	12	2.50	2.33	2.42	2.58	2.42	2.33	2.33	2.58	2.42	2.50	2.33	2.50	2.50	2.25	2.58	2.33	2.42	2.58	2.33	2.42	2.43	Yếu

PHỤ LỤC 5: CÁC MÔN HỌC THAY ĐỔI GIẢNG VIÊN

STT	Môn học chọn để đánh giá	Địa điểm học	Hệ đào tạo	Tên giảng viên	Số lượng SV đăng	Số lượng SV tham	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	Trung bình	Xếp loại
1	Đọc hiểu 4	Học viện Chính trị KV2	ĐTTX		45	31	4.71	4.81	4.81	4.84	4.84	4.77	4.81	4.84	4.81	4.84	4.77	4.84	4.77	4.74	4.81	4.84	4.77	4.74	4.81	4.84	4.80	Rất tốt
2	Hành vi khách hàng	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH			23	4.52	4.57	4.57	4.52	4.61	4.52	4.61	4.52	4.61	4.61	4.61	4.57	4.57	4.52	4.52	4.57	4.57	4.52	4.57	4.57	4.56	Rất tốt
3	Kỹ năng tổ chức công sở	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH			22	4.73	4.77	4.73	4.77	4.73	4.77	4.77	4.77	4.77	4.77	4.73	4.77	4.73	4.77	4.73	4.77	4.73	4.77	4.73	4.77	4.75	Rất tốt
4	Kỹ thuật xây dựng văn bản	TT GDTX Bình Phước	ĐTTX			32	4.25	4.22	4.28	4.41	4.34	4.28	4.22	4.22	4.19	4.25	4.19	4.19	4.13	4.22	4.16	4.16	4.09	4.09	4.13	4.13	4.21	Rất tốt
5	Luật dân sự 3	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	ĐTTX			30	4.33	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.33	4.33	4.33	4.33	4.30	4.30	4.33	4.30	4.30	4.33	4.33	4.30	4.33	4.37	4.32	Rất tốt
6	Luật hôn nhân gia đình	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	ĐTTX			29	4.55	4.48	4.52	4.52	4.52	4.52	4.52	4.48	4.52	4.52	4.48	4.48	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.55	4.59	4.53	Rất tốt
7	Luật thuế (pháp luật về thuế)	TT GDTX Bến Tre	VLVH			14	4.79	5.00	4.79	5.00	4.79	5.00	4.79	5.00	4.79	5.00	4.79	4.93	4.71	4.93	4.71	4.93	4.86	5.00	4.79	5.00	4.88	Rất tốt
8	Luật thương mại quốc tế	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH			17	4.65	4.65	4.65	4.71	4.65	4.71	4.71	4.65	4.71	4.53	4.59	4.53	4.59	4.71	4.71	4.71	4.71	4.71	4.71	4.71	4.66	Rất tốt
9	Luật tố tụng hình sự	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	ĐTTX			29	4.31	4.28	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.28	4.31	4.31	4.28	4.28	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.34	4.31	Rất tốt
10	Marketing Quốc tế	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH			21	4.62	4.57	4.62	4.48	4.48	4.48	4.52	4.52	4.52	4.57	4.48	4.57	4.57	4.57	4.62	4.67	4.62	4.62	4.67	4.62	4.57	Rất tốt
11	Nghiệp vụ ngoại thương	Trường CĐCĐ Đồng Tháp	VLVH			21	4.48	4.29	4.29	3.86	4.05	3.86	4.00	4.29	4.33	4.38	4.33	4.33	4.38	4.33	4.33	4.29	4.33	4.38	4.24	4.33	4.25	Rất tốt
12	Những NLCB của CN Mác-Lenin P2	TT GDTX GIA ĐỊNH-PHÚ NGHĨA	ĐTTX			32	4.59	4.59	4.56	4.50	4.41	4.44	4.44	4.53	4.50	4.47	4.38	4.50	4.50	4.59	4.59	4.56	4.59	4.59	4.53	4.63	4.53	Rất tốt
13	Pháp luật cộng đồng Asean	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH			20	4.70	4.75	4.70	4.75	4.70	4.75	4.70	4.75	4.70	4.70	4.70	4.75	4.75	4.70	4.70	4.70	4.75	4.70	4.70	4.70	4.72	Rất tốt
14	Pháp luật thanh tra và khiếu nại , tố cáo	Trường TC Bách Nghệ TP.HCM	VLVH			20	4.65	4.65	4.65	4.60	4.65	4.60	4.65	4.60	4.65	4.60	4.65	4.60	4.65	4.60	4.65	4.60	4.65	4.60	4.65	4.60	4.63	Rất tốt
15	Pháp luật về xuất nhập khẩu	TT GDTX Bình Phước	ĐTTX			26	4.00	4.04	4.00	4.04	4.00	4.04	4.00	4.04	4.00	4.04	4.00	4.04	4.00	4.04	4.00	4.04	4.00	4.04	4.00	4.04	4.02	Tốt
16	Phát triển cộng đồng	TT GDTX GIA ĐỊNH-PHÚ NGHĨA	ĐTTX			32	4.56	4.59	4.41	4.47	4.41	4.47	4.56	4.56	4.53	4.53	4.56	4.53	4.56	4.53	4.59	4.59	4.63	4.50	4.53	4.63	4.54	Rất tốt
17	Quản trị học	Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH			54	4.47	4.40	4.40	4.38	4.43	4.38	4.40	4.43	4.45	4.42	4.42	4.45	4.43	4.43	4.47	4.34	4.43	4.47	4.34	4.43	4.42	Rất tốt
18	Sức khỏe tâm thần	TT GDTX GIA ĐỊNH-PHÚ NGHĨA	ĐTTX			32	4.56	4.59	4.47	4.53	4.53	4.63	4.50	4.56	4.47	4.53	4.59	4.56	4.41	4.56	4.63	4.63	4.59	4.69	4.72	4.63	4.57	Rất tốt
19	Tâm lý học phát triển	TT GDTX GIA ĐỊNH-PHÚ NGHĨA	ĐTTX			32	4.53	4.59	4.56	4.56	4.50	4.44	4.56	4.50	4.59	4.56	4.56	4.56	4.53	4.56	4.69	4.50	4.47	4.59	4.66	4.69	4.56	Rất tốt
20	Tham vấn cơ bản	TT GDTX GIA ĐỊNH-PHÚ NGHĨA	ĐTTX			32	4.53	4.56	4.50	4.53	4.50	4.50	4.50	4.53	4.59	4.56	4.59	4.50	4.59	4.56	4.50	4.59	4.59	4.53	4.63	4.59	4.55	Rất tốt
21	Tư pháp quốc tế	Trường CĐ Long An - CS Đồng Tháp Mười	VLVH		37	30	4.73	4.70	4.73	4.70	4.67	4.70	4.73	4.73	4.67	4.73	4.70	4.80	4.77	4.73	4.73	4.73	4.67	4.73	4.70	4.63	4.72	Rất tốt
22	Tư tưởng Hồ Chí minh	Trường Cao Đẳng Kiên Giang-Phú Quốc	ĐTTX			28	4.46	4.43	4.43	4.46	4.43	4.46	4.43	4.43	4.46	4.46	4.43	4.43	4.46	4.46	4.46	4.46	4.50	4.50	4.50	4.54	4.46	Rất tốt
23	Viết 3	Học viện Chính trị KV2	ĐTTX		45	31	4.77	4.74	4.81	4.74	4.84	4.87	4.81	4.74	4.74	4.77	4.77	4.81	4.74	4.81	4.77	4.74	4.74	4.81	4.77	4.74	4.78	Rất tốt

Bộ Giáo dục và Đào tạo
Trường Đại học Mở TP.HCM

PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ VỀ MÔN HỌC VÀ GIẢNG VIÊN

(DÀNH CHO SINH VIÊN ĐANG THEO HỌC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA VÀ VỪA LÀM VỪA HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM)

Chào Anh (Chị),

Trung tâm Đào tạo từ xa – Trường Đại học Mở TP.HCM đang thực hiện nghiên cứu khảo sát về giảng dạy và học liệu tại các lớp học theo hình thức đào tạo từ xa và vừa làm vừa học. Chúng tôi xin mời các Anh (Chị) tham gia cuộc khảo sát bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây. Ý kiến của các Anh (Chị) sẽ rất có ý nghĩa trong việc góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy trong thời gian tới và chúng tôi đảm bảo rằng những ý kiến này sẽ chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu mà thôi.

Trước khi bắt đầu trả lời các câu hỏi khảo sát, các Anh (Chị) vui lòng cung cấp một số thông tin như sau:

1. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Các Anh (Chị) hiện đang theo học lớp: .....
2. Hình thức: - Đào tạo từ xa ☐
   - Vừa làm vừa học ☐
3. Giới tính: - Nam ☐
   - Nữ ☐
4. Ngành học:

1.	Quản trị kinh doanh	☐	8.	Công nghệ thông tin	☐
2.	Kế toán	☐	9.	CNKT CT Xây dựng	☐
3.	Tài chính – Ngân hàng	☐	10.	Cấp thoát nước	☐
4.	Kinh tế - CN Kinh tế Luật	☐	11.	Quản lý xây dựng	☐
5.	Luật kinh tế	☐	12.	Xã hội học	☐
6.	Luật học	☐	13.	Công tác xã hội	☐
7.	Công nghệ sinh học	☐	14.	Ngôn ngữ Anh	☐
15.	Ngành khác	☐			

Hướng dẫn cách trả lời các câu hỏi khảo sát:

- Các Anh (Chị) đánh **X** vào ô tương ứng ☐ cho phần mình chọn.
- Điền vào khoảng trống thông tin về tên môn học mình chọn để đánh giá và địa điểm học
- Phần lựa chọn có các mức như sau:
  1. Hoàn toàn không đồng ý.
  2. Không đồng ý
  3. Không ý kiến
  4. Đồng ý
  5. Hoàn toàn đồng ý

2. ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN

Tên môn học được chọn để đánh giá (ghi rõ):

Địa điểm sinh viên học (môn học đã chọn để đánh giá):

STT	Nội dung câu hỏi	1	2	3	4	5
1.	Giảng viên (GV) giới thiệu chi tiết đề cương môn học	☐	☐	☐	☐	☐
2.	Nội dung giảng dạy phù hợp với mục tiêu và đề cương môn học	☐	☐	☐	☐	☐
3.	Nội dung môn học được cập nhật, phù hợp với nhu cầu công việc	☐	☐	☐	☐	☐
4.	Thời lượng giảng dạy mỗi môn là phù hợp	☐	☐	☐	☐	☐
5.	GV trình bày bài giảng rõ ràng và dễ hiểu	☐	☐	☐	☐	☐
6	GV giảng dạy thu hút và hấp dẫn	☐	☐	☐	☐	☐
7.	GV quan tâm đến việc tiếp thu bài giảng của sinh viên	☐	☐	☐	☐	☐
8.	GV có cho bài tập để chấm điểm tham gia hoạt động trong lớp.	☐	☐	☐	☐	☐
9.	GV quản lý tốt sinh viên và tạo môi trường học tập tích cực trong trong buổi học	☐	☐	☐	☐	☐
10.	GV sẵn lòng trả lời các câu hỏi thắc mắc của SV về nội dung học tập	☐	☐	☐	☐	☐
11.	GV khuyến khích SV đặt câu hỏi và làm việc nhóm, thúc đẩy sinh viên tự học, tự nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
12.	GV công bằng trong đánh giá quá trình kết quả học tập	☐	☐	☐	☐	☐
13.	GV đảm bảo giờ lên lớp	☐	☐	☐	☐	☐
14.	GV sẵn lòng hỗ trợ sinh viên học tập ngoài giờ lên lớp	☐	☐	☐	☐	☐
15.	GV có tác phong sư phạm đúng mực	☐	☐	☐	☐	☐
16.	Tài liệu học tập cung cấp đầy đủ	☐	☐	☐	☐	☐
17.	Tài liệu học tập cung cấp kịp thời	☐	☐	☐	☐	☐
18.	GV giảng dạy theo đúng tài liệu nhà trường cung cấp	☐	☐	☐	☐	☐
19.	GV giảng dạy theo đúng thời khóa biểu	☐	☐	☐	☐	☐
20.	Theo Anh/Chị, **môn học** này phù hợp với ngành học	☐	☐	☐	☐	☐

Ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

.....

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA CÁC ANH (CHỊ)